

**PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI****BỘ LAO ĐỘNG -  
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2016/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2016

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 26/2016/NĐ-CP  
ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp,  
phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc  
tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy  
và cơ sở trợ giúp xã hội công lập**

*Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội,*

*Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về nguồn kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp, phụ cấp và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 26/2016/NĐ-CP).

**Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp, phụ cấp**

1. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp, phụ cấp được bảo đảm từ nguồn thu của đơn vị.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp, phụ cấp được bảo đảm từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị, nguồn cung ứng dịch vụ, lao động sản xuất; nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành và nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

3. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên: Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp, phụ cấp do ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Nhà nước thực hiện điều chỉnh tiền lương cơ sở, kinh phí tăng thêm để thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước phù hợp với từng thời kỳ. Riêng năm 2016, các Bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, xét duyệt và tổng hợp báo cáo nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề vào nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương theo hướng dẫn về việc xác định nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở năm 2016 và gửi cơ quan tài chính xem xét, thẩm định theo quy định.

### **Điều 3. Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn**

Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Điều 7 Nghị định số 26/2016/NĐ-CP bao gồm xã hoặc thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại: Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016; Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015; Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn; Quyết định số 12/2016/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2012 và Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2016; Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc công nhận bổ sung, điều chỉnh thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi và các quy định khác có liên quan.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2016.
2. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 13/2007/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2007 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương, đơn vị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Trọng Đàm**